

Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ49,600
Tiềm năng tăng/giảm: 46.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/9/2026)	33,800
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,900-47,459
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,917
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	17,894
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	689
Slg CP lưu hành (tr.đv)	529
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Slg CP NN được mua (tr.đv)	208
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.67%
Tỷ lệ freefloat	24.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	16,961	23,003	23,766
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,190	3,078	2,803
LNTT (tỷ đồng)	2,157	3,071	2,800
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,915	2,732	2,491
FCF (tỷ đồng)	(1,638)	2,959	1,175
EPS ĐC (đồng)	3,618	5,161	4,705
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	20,228	23,373	26,107
T.trưởng EBITDA (%)	70.2	40.5	(8.93)
T.trưởng EPS ĐC (%)	56.7	42.7	(8.84)
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.9	13.4	11.8
Tỷ suất LNTT (%)	12.7	13.4	11.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	11.3	11.9	10.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	41.5	29.1	31.9
Nợ thuần/VCSH (%)	(5.70)	(25.0)	(22.9)
ROAE (%)	18.4	23.7	19.0
ROACE (%)	16.3	21.0	16.4
EV/doanh thu (lần)	0.74	0.43	0.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.72	3.22	3.29
P/E ĐC (lần)	9.34	6.55	7.18
P/B (lần)	1.67	1.45	1.29
Lợi suất cổ tức (%)	4.44	4.44	4.44

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hp@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng cao cấp
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Tài liệu ĐHCĐ bất thường: Nguồn khí mới với cơ chế giá cao hơn

- DCM đã công bố tài liệu cho ĐHCĐ bất thường dự kiến tổ chức ngày 23/9, trong đó có tờ trình quan trọng về việc ký kết Sửa đổi bổ sung số 12 của Hợp đồng mua bán khí với PVN.
- Theo Sửa đổi bổ sung số 12, nguồn khí từ mỏ Nam Du-U Minh (ND-UM) được bổ sung kể từ cuối năm 2028, qua đó cải thiện khả năng đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào dài hạn của DCM nhưng làm tăng nền chi phí. Giá khí ND-UM là 10,39 USD/MMBTU và tăng 2,25% mỗi năm, giúp giảm mức độ phụ thuộc vào giá dầu Brent nhưng hạn chế khả năng hưởng lợi khi giá dầu giảm; HSC ước tính chi phí khí của DCM có thể cao hơn 2-3 USD/MMBTU so với công thức hiện hành.
- Chúng tôi đang xem xét lại các dự báo của mình.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ bất thường năm 2026

DCM mới đây đã công bố tài liệu ĐHCĐ bất thường, trong đó có hai nội dung chính: (1) tờ trình thông qua định hướng phát triển của DCM đến năm 2050; và (2) tờ trình về việc ký kết Sửa đổi bổ sung số 12 của Hợp đồng mua bán khí với PVN. ĐHCĐ bất thường này dự kiến được tổ chức vào ngày 23/9/2026.

Định hướng phát triển của DCM đến năm 2050

Thông điệp chiến lược chính là "tối ưu hóa mảng phân bón cốt lõi, đồng thời tạo động lực tăng trưởng mới trong lĩnh vực hóa chất, khí công nghiệp và nông nghiệp tích hợp". Trong ngắn và trung hạn, việc mở rộng mảng phân bón và hóa chất/khí công nghiệp có tác động trực tiếp hơn đến lợi nhuận, trong khi công nghệ sinh học và nông nghiệp hạ nguồn mở ra dư địa tăng trưởng dài hạn.

Các định hướng chiến lược chính bao gồm:

- Củng cố mảng phân bón cốt lõi:** Tối ưu hóa chuỗi giá trị phân bón hiện hữu và từng bước chuyển dịch từ hàng hóa cơ bản sang các giải pháp nông nghiệp ứng dụng công nghệ, có giá trị cao hơn.
- Mở rộng sang hóa chất và khí công nghiệp:** Tận dụng cơ sở sản xuất và nền tảng công nghệ hiện có của DCM để phát triển khí công nghiệp và hóa chất liên quan đến phân bón, qua đó đa dạng hóa doanh thu ngoài ure. Mở rộng sang hóa chất và khí công nghiệp: Tận dụng cơ sở sản xuất và nền tảng công nghệ hiện có của DCM để phát triển khí công nghiệp và hóa chất liên quan đến phân bón, qua đó đa dạng hóa doanh thu ngoài ure.
- Phát triển hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp:** Mở rộng xuống hạ nguồn sang công nghệ sinh học, tạo giống, vùng trồng, chế biến sau thu hoạch và logistics, nhằm xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp tích hợp.
- Tham vọng tăng trưởng dài hạn:** Đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất tăng trưởng 11%/năm trong giai đoạn 2031-2035; thị trường quốc tế đóng góp 31-40% và sản phẩm mới đóng góp 42-68% doanh thu hợp nhất trong giai đoạn 2031-2050.

Nguồn khí mới từ Nam Du-U Minh từ năm 2028

Theo tờ trình về việc ký kết Sửa đổi bổ sung số 12 của Hợp đồng mua bán khí với PVN, nguồn khí hiện hữu cung cấp cho Nhà máy Đạm Cà Mau đang suy giảm dần, khiến DCM cần đảm bảo các nguồn khí bổ sung để duy trì nguồn nguyên liệu đầu vào dài hạn. Sửa đổi bổ sung số 12 nhằm bổ sung khí từ mỏ Nam Du-U Minh (ND-UM) vào Hợp đồng mua bán khí hiện hành.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/9.

(Xem tiếp trang 2)

Các thông tin chính về việc bổ sung nguồn khí Nam Du–U Minh bên cạnh nguồn khí PM3 CAA hiện hữu như sau.

1. Lượng khí cung cấp

Từ ngày Sửa đổi bổ sung số 12 có hiệu lực đến ngày 24/4/2032, lượng khí hợp đồng hằng năm được ấn định ở mức 495 triệu Sm³/năm, với lượng khí nhận tối thiểu hằng năm là 445,5 triệu Sm³. Lượng khí PM3 CAA sẽ được điều chỉnh theo lượng khí ND-UM được cung cấp.

Đối với ND-UM, trong giai đoạn khai thác ổn định, lượng khí nhận tối thiểu hằng năm là 269,74 triệu Sm³, trong khi lượng khí ngày tối đa là 0,81 triệu Sm³/ngày.

2. Lộ trình bổ sung nguồn khí ND-UM

Dòng khí đầu tiên từ ND-UM dự kiến được cung cấp chậm nhất trong Q4/2028. Nếu việc cung cấp khí bị trì hoãn sau Q4/2028, chế tài do thiếu hụt sản lượng sẽ được áp dụng từ ngày 1/1/2029.

Thỏa thuận cũng quy định giai đoạn vận hành thử kéo dài 30 ngày, có thể gia hạn thêm tối đa 10 ngày, trước khi chuyển sang giai đoạn nâng dần công suất và sau đó là giai đoạn khai thác ổn định.

3. Công thức xác định giá khí

Giá khí được xác định như sau:

$$Pn = 10,39 \text{ USD/MMBTU} \times (1 + 2,25\%)^t$$

Mức giá ban đầu là 10,39 USD/MMBTU, chưa bao gồm chi phí vận chuyển, VAT và các loại thuế áp dụng khác; giá tăng cố định 2,25% mỗi năm.

Nhận định của HSC

Ý nghĩa chính của Sửa đổi bổ sung số 12 là chuyển từ hợp đồng tập trung vào nguồn khí PM3 CAA/Lô 46 Cái Nước sang thỏa thuận cung cấp khí cho Nhà máy Đạm Cà Mau, trong đó ND-UM được bổ sung làm nguồn khí mới. Trong bối cảnh sản lượng PM3 CAA suy giảm nhanh, ND-UM sẽ giúp đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào và duy trì hoạt động dài hạn của nhà máy.

Khi ND-UM đi vào khai thác, sản lượng hợp đồng tối thiểu 269,74 triệu Sm³/năm, tương đương khoảng 60,6% nhu cầu khí hợp đồng tối thiểu của DCM, sẽ giúp cải thiện đáng kể khả năng đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào.

Sự đánh đổi chính nằm ở giá khí. Giá khí ND-UM được cố định ở mức 10,39 USD/MMBTU, tăng 2,25% mỗi năm và không gắn với giá dầu. So với công thức hiện hành (50% MFO + 50% × 13,7% Brent), cơ chế này giúp giảm khoảng 60% mức độ phụ thuộc của DCM vào giá dầu Brent, đồng thời tăng khả năng dự báo chi phí khi giá dầu vượt 110 USD/thùng.

Mặt hạn chế là DCM sẽ không được hưởng lợi khi giá dầu giảm, trong khi mức tăng 2,25% mỗi năm vẫn cố định bất kể điều kiện thị trường phân bón ra sao. Như Bảng 1 cho thấy, giá khí ND-UM chỉ cạnh tranh hơn công thức giá hiện hành khi giá dầu Brent vượt 111,72 USD/thùng vào năm 2028. Với giá dầu Brent ở mức 70-80 USD/thùng, HSC ước tính chi phí khí của DCM sẽ cao hơn 2-3 USD/MMBTU so với công thức hiện hành.

HSC cũng lưu ý đây mới chỉ là công thức giá khí và chưa bao gồm phí vận chuyển, VAT hoặc các chi phí hành chính áp dụng khác.

Xem xét lại dự báo

Nếu tờ trình về Sửa đổi bổ sung số 12 của Hợp đồng mua bán khí với PVN được thông qua tại ĐHCĐ bất thường sắp tới vào ngày 23/9, chi phí khí của DCM có thể tăng đáng kể và trở nên kém thuận lợi hơn so với cơ chế giá hiện hành. Trong khi chờ kết quả ĐHCĐ bất thường, HSC đang xem xét lại các dự báo của mình.

Bảng 1: Giá khí cụm mỏ Nam Du – U Minh so với giá khí PM3-CAA và công thức tính giá khí của DCM

Giá khí mỏ Nam Du – U Minh chỉ thấp hơn giá khí PM3 CAA (được tính theo công thức liên kết với giá dầu) nếu giá dầu Brent vượt ngưỡng 111,72 USD/thùng vào năm 2028

Năm	Chỉ số năm (t)	Giá khí cụm mỏ ND-UM (USD/MMBTU)	Giá khí PM3-CAA (USD/MMBTU) tại mức giá dầu 80 USD/thùng	Giá khí bình quân của DCM (USD/MMBTU)	Chi phí khí tăng thêm so với công thức hiện tại	Ngưỡng giá dầu Brent để giá khí mỏ ND-UM có lợi thế (USD/thùng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Công thức giá		USD 10.39* (1+I) ^t	50% MFO + 50%×13,7% Brent	60.55% (3)+39.45% (4)	(5)-(4)	
2028	0	10.39	7.44	9.23	1.79	> 111.72
2029	1	10.62	7.44	9.37	1.93	> 114.23
2030	2	10.86	7.44	9.51	2.07	> 116.80
2031	3	11.11	7.44	9.66	2.22	> 119.43
2032	4	11.36	7.44	9.81	2.37	> 122.12
2033	5	11.61	7.44	9.97	2.53	> 124.87
2034	6	11.87	7.44	10.12	2.68	> 127.68
2035	7	12.14	7.44	10.29	2.85	> 130.55

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	13,456	16,961	23,003	23,766	23,766
Lợi nhuận gộp	2,513	4,035	5,626	5,439	5,415
Chi phí BH&QL	(1,495)	(2,189)	(2,968)	(3,067)	(3,067)
Thu nhập khác	1.12	5.58	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,019	1,852	2,657	2,372	2,348
Lãi vay thuần	305	305	414	428	428
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,324	2,157	3,071	2,800	2,776
Chi phí thuế TNDN	(94.1)	(239)	(322)	(294)	(291)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(8.35)	(2.03)	(16.5)	(15.0)	(14.9)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,222	1,915	2,732	2,491	2,469
Lợi nhuận thuần ĐC	1,222	1,915	2,732	2,491	2,469
EBITDA ĐC	1,287	2,190	3,078	2,803	2,788
EPS (đồng)	2,308	3,618	5,161	4,705	4,664
EPS ĐC (đồng)	2,308	3,618	5,161	4,705	4,664
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	1,903	3,590	5,476	5,711	5,956
Đầu tư ngắn hạn	7,039	4,082	4,490	4,939	5,433
Phải thu khách hàng	529	1,263	1,204	1,406	1,484
Hàng tồn kho	2,950	4,804	4,902	5,642	5,882
Các tài sản ngắn hạn khác	500	709	830	905	930
Tổng tài sản ngắn hạn	12,921	14,449	16,903	18,603	19,685
TSCĐ hữu hình	2,172	2,416	2,259	2,098	1,932
TSCĐ vô hình	364	426	424	419	414
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	272	354	227	299	298
Tổng tài sản dài hạn	2,808	3,196	2,910	2,815	2,643
Tổng cộng tài sản	15,729	17,645	19,813	21,419	22,328
Nợ ngắn hạn	1,229	2,226	1,926	1,926	1,926
Phải trả người bán	1,612	1,764	2,213	2,145	2,131
Nợ ngắn hạn khác	1,556	1,220	1,391	1,455	871
Tổng nợ ngắn hạn	4,681	5,982	6,122	6,251	5,725
Nợ dài hạn	120	56.8	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	751	866	1,269	1,284	1,275
Tổng nợ dài hạn	871	923	1,269	1,284	1,275
Tổng nợ phải trả	5,552	6,905	7,391	7,535	7,000
Vốn chủ sở hữu	10,144	10,709	12,374	13,821	15,249
Lợi ích cổ đông thiểu số	32.8	31.4	47.9	63.0	77.9
Tổng vốn chủ sở hữu	10,177	10,740	12,422	13,884	15,327
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,729	17,645	19,813	21,419	22,328
BVPS (đ)	19,162	20,228	23,373	26,107	28,805
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(554)	(1,308)	(3,551)	(3,786)	(4,030)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,019	1,852	2,657	2,372	2,348
Khấu hao	(268)	(339)	(420)	(431)	(440)
Lãi vay thuần	305	305	414	428	428
Thuế TNDN đã nộp	(94.1)	(239)	(322)	(294)	(291)
Thay đổi vốn lưu động	(912)	(2,424)	706	(945)	(876)
Khác	(509)	(1,043)	(656)	(553)	(559)
LCT thuần từ HKKD	77.5	(1,211)	3,219	1,439	1,489
Đầu tư TS dài hạn	(791)	(427)	(261)	(265)	(269)
Góp vốn & đầu tư	(14,041)	(11,373)	(408)	(449)	(494)
Thanh lý	4.09	0	0	0	0
Khác	14,786	14,820	545	563	563
LCT thuần từ HĐĐT	(41.6)	3,021	(124)	(150)	(199)
Cổ tức trả cho CSH	(1,059)	(1,055)	(794)	(794)	(794)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	437	934	(416)	(260)	(251)
Khác	(2.91)	(1.60)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(625)	(123)	(1,210)	(1,054)	(1,045)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,284	1,903	3,590	5,476	5,711
LCT thuần trong kỳ	(589)	1,687	1,886	235	244
Ảnh hưởng của tỷ giá	208	0.14	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,903	3,590	5,476	5,711	5,956
Dòng tiền tự do	(714)	(1,638)	2,959	1,175	1,220

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.7	23.8	24.5	22.9	22.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	9.57	12.9	13.4	11.8	11.7
Tỷ suất LNT (%)	9.08	11.3	11.9	10.5	10.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.10	11.1	10.5	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	7.04	26.0	35.6	3.32	0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(28.0)	70.2	40.5	(8.93)	(0.54)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng EPS (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng DPS (%)	0	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	86.6	41.5	29.1	31.9	32.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.2	18.4	23.7	19.0	17.0
ROACE (%)	9.36	16.3	21.0	16.4	14.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.87	1.02	1.23	1.15	1.09
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.08	(0.65)	1.21	0.61	0.63
Số ngày tồn kho	98.4	136	103	112	117
Số ngày phải thu	17.6	35.7	25.3	28.0	29.5
Số ngày phải trả	53.8	49.8	46.5	42.7	42.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(3.17)	(5.70)	(25.0)	(22.9)	(21.9)
Nợ/tài sản (%)	10.1	16.9	12.1	11.9	11.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.23	1.36	0.78	0.91	0.94
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.76	2.42	2.76	2.98	3.44
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.77	0.74	0.43	0.39	0.36
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.03	5.72	3.22	3.29	3.05
P/E (lần)	14.6	9.34	6.55	7.18	7.25
P/E ĐC (lần)	14.6	9.34	6.55	7.18	7.25
P/B (lần)	1.76	1.67	1.45	1.29	1.17
Lợi suất cổ tức (%)	5.92	4.44	4.44	4.44	4.44

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn